



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 92 + 93

Ngày 15 tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 22-5-2023- Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

- 24-5-2023- Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 4. 14

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 16-5-2023- Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật. 25

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 19-5-2023- Quyết định số 1987/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. 28
- 19-5-2023- Quyết định số 1990/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ. 33
- 01-6-2023- Quyết định số 2237/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 66
- 01-6-2023- Quyết định số 2238/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 73

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 721/TTr-BQL ngày 20 tháng 3 năm 2023; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 851/BC-STP-KTrVB ngày 03 tháng 3 năm 2023 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1543/TTr-SNV ngày 05 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp đối với các khu chế xuất, khu công nghiệp (viết tắt là KCX, KCN) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp trong KCX, KCN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý KCX, KCN, làm nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khi được phân cấp, ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân; tài khoản và con dấu mang hình quốc huy; kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu

tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm và nguồn kinh phí khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh và trụ sở làm việc

1. Ban Quản lý có tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ho Chi Minh City Export Processing and Industrial Zones Authority (viết tắt là HEPZA).

2. Trụ sở làm việc của Ban Quản lý đặt tại số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Website: <http://hepza.hochiminhcity.gov.vn/>

Điện thoại số: (028) 3829 0405

Email: hepza@tphcm.gov.vn.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý

1. Tham gia ý kiến, xây dựng và trình các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

a) Tham gia ý kiến với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, phương án phát triển hệ thống có liên quan đến KCX, KCN;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các cơ quan có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng KCX, KCN, nhiệm vụ và đề án quy hoạch điều chỉnh tổng thể các quy hoạch này, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt;

d) Xây dựng chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển KCX, KCN trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt;

đ) Tổng hợp, đánh giá nhu cầu sử dụng lao động làm việc trong KCX, KCN, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong KCX, KCN;

e) Dự toán ngân sách, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển hằng năm và nguồn kinh phí khác (nếu có) của Ban Quản lý trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan;

g) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định công nghệ của dự án đầu tư, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp.

2. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Quản lý, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định, phương án phát triển hệ thống, quy hoạch xây dựng, kế hoạch có liên quan tới KCX, KCN đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với dự án đầu tư trong KCX, KCN thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý; giám sát, đánh giá việc thu hút đầu tư vào từng loại hình khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái theo các ngành, nghề thu hút đầu tư đã đăng ký quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP; giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8, khoản 3 Điều 9 và điểm c khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP;

c) Thực hiện thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng trong KCX, KCN; kiểm tra các loại công trình xây dựng trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khác của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng trong KCX, KCN;

d) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài

đặt trụ sở tại KCX, KCN theo quy định của pháp luật về thương mại;

đ) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong KCX, KCN:

Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với lao động làm việc trong KCX, KCN, bao gồm: tổ chức thực hiện đăng ký nội quy lao động; báo cáo tình hình sử dụng lao động; tiếp nhận báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài, báo cáo tình hình thay đổi lao động qua Cổng dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp, hoạt động đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày cho doanh nghiệp trong KCX, KCN; nhận báo cáo về việc cho thuê lại lao động, kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề hằng năm; thông báo tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong KCX, KCN;

e) Thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường của Ban Quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Tiếp nhận đăng ký khung giá và các loại phí sử dụng hạ tầng của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCX, KCN;

h) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư và việc chấp hành quy định của pháp luật về xây dựng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường đối với các dự án tại KCX, KCN;

i) Phối hợp với các đơn vị công an và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khác trong việc kiểm tra công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, xây dựng và đề xuất những biện pháp thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, tổ chức lực lượng bảo vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy trong KCX, KCN;

k) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại KCX, KCN và kiến

ngợi Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

l) Nhận báo cáo thông kê, báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong KCX, KCN; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của KCX, KCN; trực tiếp quản lý và vận hành hệ thống thông tin về KCX, KCN;

m) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng và quản lý hệ thống thông tin quốc gia về KCX, KCN thuộc thẩm quyền quản lý;

n) Báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình: xây dựng và phát triển KCX, KCN; tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; hoạt động của dự án đầu tư; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường trong KCX, KCN;

o) Hỗ trợ, cung cấp thông tin để các doanh nghiệp trong KCX, KCN liên kết, hợp tác với nhau thực hiện cộng sinh công nghiệp, các biện pháp sản xuất sạch hơn, chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái;

p) Tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng cho doanh nghiệp trong KCX, KCN;

q) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong KCX, KCN trên các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước trực tiếp của Ban Quản lý; phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;

r) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quản lý tài chính, tài sản, ngân sách được giao; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí; nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài về các lĩnh vực có liên quan đến đầu tư xây dựng và phát triển KCX, KCN; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức và đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức của Ban Quản lý;

s) Thực hiện nhiệm vụ đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch, quản lý, hỗ trợ chuyển đổi, phát triển loại hình KCN

mới;

t) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, quy định khác của pháp luật có liên quan và do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

3. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp, ủy quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ban Quản lý là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động đầu tư trong các KCX, KCN. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương khi triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại các KCX, KCN có trách nhiệm phối hợp và lấy ý kiến tham gia của Ban Quản lý, đảm bảo cho hoạt động quản lý nhà nước đối với KCX, KCN thống nhất, tránh chồng chéo và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Lãnh đạo Ban Quản lý

1. Lãnh đạo Ban Quản lý gồm Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng Ban.

2. Trưởng ban Ban Quản lý là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và pháp luật về hoạt động của KCX, KCN; phối hợp với người đứng đầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức nơi có KCX, KCN và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý.

3. Phó Trưởng ban Ban Quản lý là người giúp Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý.

4. Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm, miễn nhiệm. Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban; việc điều động, luân chuyển, khen

thường, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Bộ máy giúp việc:

- Văn phòng;
- Phòng Quản lý Đầu tư;
- Phòng Quản lý Lao động;
- Phòng Quản lý Môi trường;
- Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng;
- Phòng Giám sát và Quản lý dự án đầu tư.

Bố trí tối thiểu từ 07 biên chế công chức đối với phòng thuộc Ban Quản lý; được bố trí 01 Phó Trưởng phòng đối với phòng thuộc Ban Quản lý có dưới 10 biên chế công chức; không quá 02 Phó Trưởng phòng đối với phòng thuộc Ban Quản lý có từ 10 đến 14 biên chế công chức; số lượng cấp phó của Văn phòng Ban Quản lý thực hiện như đối với phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

2. Đơn vị trực thuộc Ban Quản lý:

Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp (CTIM).

Điều 6. Biên chế

Biên chế công chức và người lao động của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức và người lao động của Ban Quản lý được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

Chương IV QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan.

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất với Bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực được giao; kiến nghị, đề xuất với Bộ, cơ quan ngang bộ những khó khăn, vướng mắc hoặc cơ chế, chính sách trong quản lý Nhà nước đối với KCX, KCN.

Điều 8. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động.

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình và kết quả hoạt động của KCX, KCN và của Ban Quản lý với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với những vấn đề vướng mắc vượt thẩm quyền, Ban Quản lý phải báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để chỉ đạo, giải quyết; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các lĩnh vực được phân công, ủy quyền.

Điều 9. Đối với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức

1. Ban Quản lý phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức để thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCX, KCN do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

2. Ban Quản lý chủ động bàn bạc, trao đổi với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp công tác để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; phối hợp cùng nhau giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh; trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định những vấn đề chưa thống nhất giữa công tác phối hợp với sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có

trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

2. Trưởng ban Ban Quản lý có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác cho các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của Ban Quản lý, phù hợp với các quy định của pháp luật; ban hành Nội quy, Quy chế làm việc của Ban Quản lý, tổ chức sắp xếp các Phòng chuyên môn; bố trí công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước của Ban Quản lý đã được giao.

Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng ban Ban Quản lý đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2023/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 4

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội khóa XIV về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và

Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về quy trình trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp Quận 4 tại Tờ trình số 138/TTr-PTP ngày 25 tháng 4 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Phòng Nội vụ Quận 4 tại Công văn số 194/PNV ngày 22 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 4.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 4
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND
ngày 24/5/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Phòng Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức của Ủy ban nhân dân quận theo thẩm quyền, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, quy hoạch kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận: chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

quận trong lĩnh vực tư pháp; dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch và các văn bản khác trong lĩnh vực tư pháp sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tư pháp ở phường theo quy định của pháp luật.

5. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

a) Phối hợp xây dựng quyết định thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận do các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận chủ trì xây dựng;

b) Thẩm định dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo quy định pháp luật.

6. Công tác tư vấn pháp luật.

a) Thực hiện tư vấn pháp luật theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

b) Thực hiện tư vấn pháp luật theo đề nghị của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường đối với những vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giải quyết của Phòng Tư pháp.

7. Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

a) Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và công chức Tư pháp - Hộ tịch trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Tổng hợp, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật.

d) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận;

8. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

a) Là đầu mối giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân quận ban hành;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận kiểm tra văn bản của Ủy ban nhân dân phường ban hành; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định;

c) Kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành hoặc chức danh khác ở Ủy ban nhân dân phường ban hành có chứa quy phạm pháp luật.

9. Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

a) Là đầu mối giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận theo quy định pháp luật;

b) Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Ủy ban nhân dân quận. Xây dựng báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành;

c) Lập Sổ theo dõi văn bản được rà soát theo mẫu quy định;

d) Phối hợp, cung cấp danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành về Sở Tư pháp để thực hiện việc cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, đồng thời phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

10. Về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

a) Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành;

b) Theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra công tác phổ biến giáo dục pháp luật; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân phường trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận;

d) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở phường và ở các cơ quan, đơn vị khác theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

11. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ về xây dựng phường tiếp cận pháp luật theo quy định; là cơ quan thường trực của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ về trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật và phối hợp công tác quản lý về luật sư.

13. Về quản lý và đăng ký hộ tịch.

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân phường cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật);

c) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định;

d) Quản lý, sử dụng sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; lưu trữ sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật.

14. Thực hiện nhiệm vụ quản lý về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

15. Về chứng thực.

a) Thực hiện chứng thực bản sao giấy, bản sao điện tử từ bản chính, chứng thực chữ ký (bao gồm cả chữ ký người dịch) và chứng thực hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Phòng Tư pháp theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, sử dụng Sổ chứng thực, lưu trữ Sổ chứng thực, hồ sơ chứng thực theo quy định pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với công chức Tư pháp - hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân phường trong việc chứng thực bản sao giấy, bản sao điện tử từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: quản lý, sử dụng Sổ chứng thực; lưu trữ sổ chứng thực, hồ sơ chứng thực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường theo quy định pháp luật; có biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về chứng thực.

16. Tham mưu thực hiện công tác bồi thường Nhà nước theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và văn bản hướng dẫn, triển khai thi hành.

17. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương;

b) Đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

18. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự, hành chính địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

19. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch phường, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

20. Tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tư pháp.

21. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Tư pháp Thành phố.

22. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tham gia thanh tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị và trong hoạt động tư pháp trên địa bàn và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

23. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức đang công tác

tại Phòng Tư pháp theo quy định của pháp luật, theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

24. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, tài chính của Phòng Tư pháp theo quy định pháp luật và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

25. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY**

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tư pháp có Trưởng phòng; không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức khác;

2. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Sở Tư pháp Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân quận theo Quy chế làm việc và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng;

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật;

5. Biên chế công chức của Phòng Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho quận hàng năm phù hợp với vị trí việc làm và đảm bảo đủ nhân sự để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phòng Tư pháp căn cứ khối lượng, tính chất, nội dung công việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và phân công nhiệm vụ theo các vị trí (lãnh đạo quản lý, nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hỗ trợ phục vụ).

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 4. Chế độ làm việc và sinh hoạt, hội họp

1. Phòng Tư pháp làm việc theo chế độ thủ trưởng; đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định;

2. Trưởng, Phó Phòng họp giao ban lãnh đạo định kỳ để nắm tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác; trao đổi ý kiến và thực hiện chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên.

3. Họp giải quyết công việc giữa lãnh đạo phòng với công chức định kỳ, hàng tháng, hàng quý và 6 tháng để giải quyết công việc thường xuyên và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phải thực hiện trong thời gian tới hoặc bàn giải quyết những vướng mắc trong hoạt động quản lý, điều hành; họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc của lãnh đạo Sở Tư pháp Thành phố.

4. Họp giao ban công tác chuyên môn của ngành định kỳ hàng quý với công chức Tư pháp - Hộ tịch phường để trao đổi, thảo luận những vấn đề thuộc về chuyên môn.

Điều 5. Môi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tư pháp Thành phố.

Phòng Tư pháp quận chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp Thành phố; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Sở Tư pháp Thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận.

a) Phòng Tư pháp thực hiện chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về lĩnh vực phụ trách và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

b) Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân quận.

c) Định kỳ báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng Tư pháp đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các tổ chức chính trị - xã hội.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 13 phường.

a) Phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân 13 phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn công chức Tư pháp - Hộ tịch phường, cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý;

c) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực Tư pháp của Ủy ban nhân dân phường định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Căn cứ Quy chế, Trưởng phòng Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, ban hành Đề án vị trí việc làm, Quy chế làm việc của Phòng Tư pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn của Phòng Tư pháp phù hợp tình hình thực tế nhưng không trái với Quy chế.

Điều 7. Trưởng Phòng Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện Quy chế. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2023/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 16 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Công văn số 597/KT ngày 05 tháng 5 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 406/BC-TP ngày 15 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Quy chế quản lý vùng nuôi tôm thẻ chân

trắng tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ, do căn cứ pháp lý ban hành văn bản và nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

DANH MỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỊ BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật)

* * *

TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày có hiệu lực	Lý do bãi bỏ
1	Quyết định	02/2013/QĐ-UBND Ngày 08/8/2013	Quyết định về ban hành Quy chế quản lý vùng nuôi tôm thẻ chân trắng tập trung trên địa bàn huyện Cần Giờ.	15/8/2013	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản và nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1987/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 9884/TTr-SLĐTBXH ngày 09 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự A1.1, A2.1, B1.1, B2.1, B3.1 ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm; lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Bãi bỏ Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG
VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID-19**

THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Stt	Tên thủ tục	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực việc làm		
1	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch COVID-19	Quyết định số 493/QĐ-LĐTĐ ngày 25/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Stt	Tên thủ tục	Văn bản quy định việc bãi bỏ
I. Lĩnh vực lao động tiền lương		
1	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19	Quyết định số 493/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19
2	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	
II. Lĩnh vực việc làm		
1	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp	Quyết định số 493/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19
2	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN

Stt	Tên thủ tục	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực lao động tiền lương		
1	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	Quyết định số 493/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ QUAN KHÁC

Stt	Tên thủ tục	Văn bản quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực lao động tiền lương		
1	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	Quyết định số 493/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1990/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước
về quỹ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2063/TTr-SNV ngày 04 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ: <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự A.1, A.2, A.3, A.4, A.5, A.6, A.7, A.8, A.9 ban hành kèm theo Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUỸ

THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ						
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). 2) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ	1. Thẩm quyền: - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố. - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>		<p>Nội vụ. - Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>	<p>nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u> Ban sáng lập quỹ lập hồ sơ xin thành lập và công nhận điều lệ quỹ gửi đến: + Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, + Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp, nếu không đầy đủ tham mưu cấp có thẩm quyền trả lại hồ sơ.</p> <p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>- <u>Bước 4:</u></p> <p>Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND Thành phố/ Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định cho phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>
2	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận	Không	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành</p>	<p>1. Thẩm quyền:</p> <p>- Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố.</p> <p>- Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>1).</p> <p>2) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>		<p>chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>	<p>hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u></p> <p>Sau khi hoàn tất các thủ tục công bố về việc thành lập quỹ và chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ, Hội đồng quản lý quỹ gửi hồ sơ đề nghị công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên HĐQT quỹ gửi đến:</p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u></p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>- <u>Bước 4:</u> Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên HĐQT quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1).</p> <p>2) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có</p>	Không	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch</p>	<p>1. Thẩm quyền:</p> <p>- Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố.</p> <p>- Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.		UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	<p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u></p> <p>Trong quá trình hoạt động nếu có sự thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ, quỹ lập hồ sơ đề nghị công nhận thành viên HĐQT gửi đến:</p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>- <u>Bước 4:</u> Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						quận, huyện xem xét, quyết định công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên HĐQT quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
4	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). 2) Đối với quỹ xã hội, quỹ	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP	1. Thẩm quyền: - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố. - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>		<p>thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>	<p>phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u></p> <p>Trong quá trình hoạt động nếu có sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ, gửi đến:</p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>- <u>Bước 4:</u> Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định cho phép thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>
5	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm	Không	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của</p>	<p>1. Thẩm quyền:</p> <p>- Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1).</p> <p>2) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>		<p>Nghị định 93/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>	<p>hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố.</p> <p>- Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u></p> <p>Khi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ bị mất, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, quỹ có đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ gửi đến:</p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đây</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định cho phép cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trong đó ghi rõ số lần cấp lại và số giấy phép thành lập đã cấp trước đây.
6	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). 2) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP	1. Thẩm quyền: - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố. - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>		<p>thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>	<p>phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u></p> <p>Trong thời hạn quỹ bị đình chỉ hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu quỹ khắc phục được sai phạm, Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị được hoạt động trở lại gửi đến:</p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>- <u>Bước 4:</u></p> <p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định cho phép quỹ hoạt động trở lại. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>
7	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1) Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động	Không	<p>- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP.</p>	<p>1. Thẩm quyền:</p> <p>- Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1).</p> <p>2) Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p> <p>3) Mở rộng phạm vi hoạt động đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành</p>		<p>- Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>	<p>phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố.</p> <p>- Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>- Mở rộng phạm vi hoạt động đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1).</p> <p>4) Mở rộng phạm vi hoạt động đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>			<p>phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND Thành phố.</p> <p>- Mở rộng phạm vi hoạt động đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u></p> <p><i>a) Quỹ lập hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ gửi đến:</i></p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p><i>b) Quỹ lập hồ sơ đề nghị mở rộng phạm vi hoạt động quỹ gửi đến:</i></p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>- <u>Bước 4:</u> Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
8	Thủ tục đổi tên quỹ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). 2) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP	1. Thẩm quyền: - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố. - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>		<p>thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện.</p>	<p>phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>- <u>Bước 1:</u></p> <p>Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị đổi tên quỹ gửi đến:</p> <p>+ Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>- <u>Bước 4:</u></p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, Chủ tịch UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định cấp lại giấy phép về việc đổi tên quỹ. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
9	Thủ tục tự giải thể quỹ	15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn	1) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, địa điểm thực hiện tại: - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nội vụ (số 86B, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị	1. Thẩm quyền: - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện: Chủ tịch UBND Thành phố. - Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		khiếu nại.	<p>1).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dịch vụ công Thành phố. <p>2) Đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn, địa điểm thực hiện tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức. - Công dịch vụ công Thành phố. 		<p>định số 93/2019/NĐ-CP thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức và Chủ tịch UBND các quận, huyện một số nội dung về quỹ xã hội, quỹ từ thiện. 	<p>phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Bước 1:</u> <p>Hội đồng quản lý quỹ lập hồ sơ đề nghị giải thể quỹ gửi đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sở Nội vụ đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn; quỹ xã hội, quỹ từ thiện do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã, thị trấn.</p> <p>- <u>Bước 2:</u> Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.</p> <p>- <u>Bước 3:</u> Sở Nội vụ/Phòng Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>góp ý (nếu có).</p> <p>- <u>Bước 4:</u></p> <p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND Thành phố/Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức, quận, huyện xem xét, quyết định giải thể và thu hồi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2237/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1289/TTr-SNN ngày 17 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 13 thủ tục hành chính lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: 02 thủ tục hành chính mới, 02 thủ tục hành chính thay thế, 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (trong đó có 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ

<http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính số 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 ban hành kèm theo Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian 	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (địa chỉ 151 Lý Thýờng Kiệt, Phýờng 7, Quận 11)	3.500.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tý số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tý số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tý số 101/2020/TT-BTC, ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác thú y; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố Thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cỡ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.				
2	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (địa chỉ 151 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11)	3.500.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cỡ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC, ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác thú y; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	- Trồng hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian hoàn thiện hồ sơ. - Trồng hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Địa chỉ 151 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11)	300.000 đồng/lần	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông t ý số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông t ý số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông t ý số 101/2020/TT-BTC, ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác thú y; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Địa chỉ 151 Lý	300.000 đồng/lần	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vật		Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11)		<ul style="list-style-type: none"> - Thông t_y số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông t_y số 283/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông t_y số 101/2020/TT-BTC, ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác thú y; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	ngành thú y cấp tỉnh.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	Lĩnh vực thú y	
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
2	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (Do không được quy định trong Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY).
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
4	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (Do được thay thế bởi thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật)
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	
7	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (Do được thay thế bởi thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật)
8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	
9	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2238/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1333/TTr-SNN ngày 22 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ: <http://vpub.hochiminhcity>.

gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự A.4, B.1, B.2 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

A1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
1	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	Thông tư số 21/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành. Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KTHT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

A2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
1	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Thông tư số 21/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành.
2	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	Quyết định số 726/QĐ-BNN-KTHT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng